

Số: /TB-UBND

Ia Rsuom, ngày tháng năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc giải quyết Thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Ia Rsuom

- Kính gửi:**
- Mặt trận và đoàn thể
 - Trường học, Trạm y tế, Doanh nghiệp
 - Trưởng các thôn, buôn

Căn cứ Luật hộ tịch năm 2014; Luật đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2011; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; Thông tư số 04/2020/TT-BTP, ngày 28/5/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và các văn bản khác liên quan đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại xã.

Để thực hiện tốt công tác chứng thực, quản lý đăng ký hộ tịch và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Ủy ban nhân dân xã Ia Rsuom thông báo như sau:

I. Thẩm quyền chứng thực và đăng ký, quản lý hộ tịch

1. Chứng thực:

1.1. Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận. Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ; trừ trường hợp quy định tại các Điều 21, 33 và Điều 37 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

1.2. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch. Thời hạn chứng thực chữ ký người dịch được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực, quy định tại Điều 33 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

1.3. Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản. Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực, quy định tại Điều 37 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

1.4. Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có

thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực, quy định tại Điều 37 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP..

1.5. Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở. Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực, quy định tại Điều 37 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

1.6. Chứng thực di chúc. Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực, quy định tại Điều 37 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

1.7. Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản. Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực, quy định tại Điều 37 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

1.8. Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản. Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực, quy định tại Điều 37 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

2. Đăng ký, quản lý hộ tịch:

- Thẩm quyền đăng ký hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký hộ tịch trong các trường hợp sau:

+ Đăng ký sự kiện hộ tịch quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 3 của Luật hộ tịch 2014;

+ Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung thông tin hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước;

+ Thực hiện các việc hộ tịch theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 3 của Luật hộ tịch 2014;

+ Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại khu vực biên giới, còn người kia là công dân của nước láng giềng thường trú tại khu vực biên giới với Việt Nam; kết hôn, nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam; khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định lâu dài tại khu vực biên giới của Việt Nam.

2.1. Đăng ký Khai sinh: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em được quy định tại Điều 15, Luật hộ tịch 2014 . Thời hạn giải quyết hồ sơ, ngay sau khi nhận đủ giấy tờ

theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân. Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh được quy định tại Điều 16, Luật hộ tịch 2014.

*** Đăng ký khai sinh trong một số trường hợp đặc biệt:**

- *Đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi:* Người phát hiện trẻ bị bỏ rơi có trách nhiệm bảo vệ trẻ và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi. Trường hợp trẻ bị bỏ rơi tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo được quy định tại Điều 14, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết hồ sơ được quy định tại Điều 16, Luật hộ tịch 2014.

- *Đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ:* Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ. Trường hợp chưa xác định được cha thì khi đăng ký khai sinh họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần ghi về cha trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ để trống được quy định tại Điều 15, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- *Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ:* Người yêu cầu đăng ký khai sinh nộp giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Luật Hộ tịch và văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ. Phân khai về cha, mẹ của trẻ được xác định theo cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ được thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Nghị số 123/2015/NĐ-CP.

2.2. Đăng ký kết hôn: Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 18, Luật hộ tịch năm 2014, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn; công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá **05 ngày** làm việc.

2.3. Dẫn ký giám hộ gồm:

- *Đăng ký giám hộ cử:* Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại Khoản 2, Điều 20, Luật hộ tịch năm 2014

- *Đăng ký giám hộ đương nhiên:* Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa

thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại Khoản 2, Điều 21, Luật hộ tịch năm 2014.

- **Đăng ký chấm dứt giám hộ:** Người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ nộp tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu quy định và giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1, Điều 22, Luật hộ tịch năm 2014.

- **Đăng ký thay đổi giám hộ:** Trường hợp yêu cầu thay đổi người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự và có người khác đủ điều kiện nhận làm giám hộ, thì các bên làm thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ trước đó và đăng ký giám hộ mới theo quy định tại Mục 3, Điều 19, 20, 21, 22 và Điều 23, Luật hộ tịch năm 2014.

2.4. Đăng ký nhận cha, mẹ, con: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 25, Luật hộ tịch năm 2014, nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người đăng ký nhận cha, mẹ, con ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc

2.5. Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Luật hộ tịch năm 2014, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

Trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch không phải tại nơi đăng ký hộ tịch trước đây thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch.

Trường hợp nơi đăng ký hộ tịch trước đây là Cơ quan đại diện thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch

* **Bổ sung hộ tịch:** Người yêu cầu bổ sung hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Luật hộ tịch năm 2014, nếu thấy yêu cầu bổ sung hộ tịch là đúng, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung bổ sung vào mục tương ứng trong Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu. Trường hợp bổ sung hộ tịch vào Giấy khai sinh,

Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung bổ sung vào mục tương ứng và đóng dấu vào nội dung bổ sung.

2.6. Đăng ký khai tử: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết thì vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử được quy định tại Điều 33, Luật hộ tịch năm 2014.

2.7. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nộp Tờ khai theo mẫu quy định. Trường hợp yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm mục đích kết hôn thì người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ hoặc chồng đã chết thì phải xuất trình hoặc nộp giấy tờ hợp lệ để chứng minh; nếu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 37, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 thì nộp bản sao trích lục hộ tịch tương ứng. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu. Nếu người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký cấp 01 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có yêu cầu. Nội dung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi đúng tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu và mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau, người đó có trách nhiệm chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình. Trường hợp người đó không chứng minh được thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đã từng đăng ký thường trú tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã được yêu cầu tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu về tình trạng hôn nhân của người đó trong thời gian thường trú tại địa phương. Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác hoặc do Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã hết thời hạn sử dụng theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015, thì phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị 6 tháng kể từ ngày cấp.

2.8. Đơn thư Khiếu nại, Tố cáo

* **Khiếu nại:** Khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của chủ tịch UBND cấp xã theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại, người khiếu nại phải gửi đơn và các tài liệu liên quan (nếu có) cho người có thẩm quyền. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, người có thẩm quyền thụ lý giải quyết và thông báo về việc thụ lý giải quyết; trường hợp không thụ lý để giải quyết

thì nêu rõ lý do. Trong thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại, cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm: Kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp, nếu khiếu nại đúng thì ra quyết định giải quyết khiếu nại ngay; Trường hợp chưa có cơ sở kết luận nội dung khiếu nại thì UBND xã tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại.

*** Tố cáo:** Tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, phải kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo, đồng thời thông báo cho người tố cáo biết lý do việc không thụ lý, nếu có yêu cầu; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn kiểm tra, xác minh có thể dài hơn nhưng không quá 15 ngày. Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, người tiếp nhận phải chuyển đơn tố cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo, nếu có yêu cầu. Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận tố cáo hướng dẫn người tố cáo đến tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại các điều từ Điều 12 - Điều 20 của Thông tư 06/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

- Riêng giải quyết tranh chấp đất đai thì thời hạn giải quyết không quá 45 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai được quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều 202 Luật đất đai 2013.

*** Xử lý các đơn khác:**

- Đơn thư phản ánh, kiến nghị và các đơn khác của công dân về lĩnh vực Đất đai, lĩnh vực Tư pháp, lĩnh vực An ninh trật tự - An toàn xã hội và một số lĩnh vực khác thì Công chức Văn phòng thống kê HĐND – UBND xã tiếp nhận, tham mưu lãnh đạo HĐND - UBND xã, ban hành văn bản chuyển cho chuyên môn thuộc UBND xã để tham mưu cho lãnh đạo UBND xã xem xét giải quyết theo quy định.

- Đơn thư phản ánh, kiến nghị và các đơn khác của công dân vượt quá thẩm quyền của UBND xã thì cơ quan chuyên môn tham mưu cho lãnh đạo UBND xã ban hành văn bản chuyển lên cơ quan cấp trên có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định.

- Tiếp nhận đơn thư Khiếu nại, Tố cáo, phản ánh, kiến nghị và các đơn khác của công dân: Sẽ tiếp nhận vào các ngày tiếp công dân thường xuyên, định kỳ, và ngày 15 hàng tháng.

3. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả

a. Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Cán bộ Bưu điện xã Ia Rsum

b. Công chức chuyên môn giải quyết hồ sơ: Công chức Tư pháp - hộ tịch xã; Công chức Địa chính – xây dựng; Công chức VHXXH phụ trách mảng Lao động và thương binh xã hội; Công chức Văn phòng TK.HĐND – UBND xã;

4. Địa điểm: Tại phòng “một cửa” UBND xã Ia Rsum và Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả xã tại Bru điện xã Ia Rsum.

5. Thời gian làm việc:

- Buổi sáng: Từ 7h00’ – 11h00’
- Buổi chiều: Từ 13h00’ – 17h 00’

6. Thu phí và lệ phí: Các khoản phí, lệ phí thu của công dân đều phải có biên lai thu phí và lệ phí theo quy định và xé gửi biên lai cho công dân theo quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015.

7. Trình ký hồ sơ: Tất cả các hồ sơ tiếp nhận để trình ký lãnh đạo UBND xã tại Phòng 1 cửa của UBND xã gồm: Lĩnh vực đất đai, lĩnh vực Hộ tịch; lĩnh vực Chứng thực và của công dân thì Công chức Tư pháp – hộ tịch tiếp nhận, kiểm tra, trình lãnh đạo UBND xã ký.

*** Ghi chú:**

- Riêng có cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, hội nghị Sơ kết, Tổng kết của UBND xã và một số hội nghị do Đảng ủy xã, HĐND xã và các đoàn thể tổ chức thì Công chức chuyên môn làm việc tại phòng một cửa chỉ tiếp nhận hồ sơ, không xem xét giải quyết trả kết quả, trừ trường hợp theo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo UBND xã thì mới xem xét, giải quyết.

- Máy Photocopy của UBND xã tại phòng làm việc của Công chức Văn phòng TK.HĐND – UBND xã chỉ photocopy các văn bản phục vụ cho khối Đảng ủy, HĐND-UBND - Mặt trận và Đoàn thể và các ngành thuộc UBND xã, không tiếp nhận Photocopy của nhân dân cá nhân và tổ chức.

- Tất cả các hồ sơ giải quyết Thủ tục hành chính thì công dân liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã tại Bru điện xã Ia Rsum, trừ trường hợp đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn; giải quyết hồ sơ liên quan đến chế độ chính sách người có công, Cán bộ hưu trí; chế độ chính sách liên quan đến Cán bộ, công chức xã được giải quyết trực tiếp tại trụ sở UBND xã.

Nhận được thông báo này, UBND xã đề nghị Trưởng các thôn, buôn thông báo rộng rãi trên mọi phương tiện đại chúng tới toàn thể cán bộ, nhân dân, cá nhân và các cơ quan tổ chức trên địa bàn xã biết để thuận lợi trong việc giao dịch./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy xã;
- TT.HĐND xã (giám sát);
- Lãnh đạo UBND xã;
- MT và các đoàn thể xã;
- VPTK. HĐND-UBND xã;
- Bộ phận TNHS&TKQ xã;
- CC. VHHT xã (p/h)
- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Triu

